TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 90/2021/DSST
Ngày 23 tháng 8 năm 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2021/TLST-DS ngày 11/5/2021 về *"Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-DS ngày 19/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-DS ngày 05/8/2021 giữa:

**Nguyên đơn:* Ông Dương Ngọc T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 186/C4, khối 4, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quang Quyền, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 267, Phùng Khoang, tổ 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt; Có đơn xin vắng mặt)

**Bị đơn:* Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam

Địa chỉ: N24, khu dân cư sỹ quan, quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường DK, thành phố B, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Tổng giám đốc

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết

vụ án, nguyên đơn ông Dương Ngọc T và người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ông Dương Ngọc T ký kết hợp với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam (Công ty) hợp đồng hợp tác bán hàng số 0088945/HĐ-LMTD ngày 19/01/2015, sau khi ký hợp đồng ông T đã nộp tiền đã nộp tiền vào Công ty để mua 30 mã hàng (chủ yếu là Cao hồng sâm), ông T đã đặt 30 gói hàng với tổng số tiền 308.158.000 đồng, Công ty đã đưa cho ông T 30 Phiếu đặt hàng. Theo chính sách của Công ty, khi lấy hàng thì sẽ nộp lại Phiếu đặt hàng cho Công ty mới được lấy sản phẩm, ông T đã lấy 09 gói hàng nên Công ty đã thu lại 09 Phiếu đặt hàng, còn lại 21 Phiếu đặt hàng. Ngày 10/11/2015 Công ty yêu cầu ông T nộp lại 21 Phiếu đặt hàng và Công ty viết gộp vào đơn đề nghị tự nguyện xin gửi hàng hóa tổng số 21 gói hàng và ghi nhiều sản phẩm khác nhau như can xi, dầu cá, giải độc gan...Sau này, ông T đến Công ty lấy hàng thì phía Công ty nói không có hàng, ông đòi tiền nhưng Công ty không trả, hiện nay ông T còn 21 gói hàng đã đặt của Công ty cụ thể như sau: 03 gói hàng có giá 8.450.000 đồng, 17 gói hàng có giá 9.888.000 đồng và 01 gói hàng có giá 11.880.000 đồng, tổng số tiền đã đặt mua hàng chưa lấy lại được là 205.326.000 đồng.

Số hàng trên ông T đặt mua của Công ty tại thị trường tỉnh NA về để sử dụng và bán để hưởng tiền tri ân. Tuy nhiên, ông T chưa nhận được đồng nào tiền tri ân của Công ty. Đối với tiền ông mua hàng là của riêng ông không liên quan đến các thành viên trong gia đình ông. Ông không biết kế toán thủ quỹ của Công ty ở đâu nên ông không yêu cầu triệu tập đến Tòa án làm việc vì trước đây ông chỉ làm việc với ông Nguyễn Văn C là tổng giám đốc.

Ngày 07/11/2016 Công ty cổ phần LMTD đã bị rút giấy phép kinh doanh do vi phạm nghị định 42 của bộ công thương, ông đã nhiều lần đến Công ty để đòi tiền nhưng đến nay Công ty vẫn chưa trả ông số tiên trên.

Nay ông T khởi kiện công ty và ông Quyền với tư cách đại diện theo uỷ quyền của ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông T tổng số tiền 205.326.000 đồng tương đương 21 mã hàng trong đơn đề nghị gửi hàng hóa mà Công ty đã thu tiền của ông T nhưng chưa giao hàng cho ông T.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện của Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là "Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP", Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Ngày 05/8/2021,Tòa án mở phiên tòa nhưng do đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên

đơn; người đại diện của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Ngọc T.

2. Buộc Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông Dương Ngọc T tổng số tiền 205.326.000 đồng tương đương với 21 mã hàng trong đơn đề nghị gửi hàng hóa của ông T.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Đề nghị tuyên án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông T số tiền 5.133.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam và ông T đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng. Căn cứ hợp đồng đã ký, ông T có nộp tiền mua hàng của Công ty nhưng đến nay chưa được nhận đủ số hàng đã mua. Ông T đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả, hai bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ông T khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa ông T với Công ty là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp nên xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)".* Công ty có địa chỉ trụ sở tại thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp có căn cứ xác định: Ông T có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0088945/HĐ-LMTD ngày 19/01/2015 với Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam, trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã nộp tiền

vào Công ty để mua sản phẩm cao hồng sâm, hiện nay ông T còn 21 gói hàng đã đặt của Công ty cụ thể như sau: 03 gói hàng có giá 8.450.000 đồng, 17 gói hàng có giá 9.888.000 đồng và 01 gói hàng có giá 11.880.000 đồng, nhưng chưa lấy hàng tổng số tiền đã đặt mua hàng chưa lấy lại được là 205.326.000 đồng.

[3.2]. Ngày 03/10/2016, Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[4.3]. Ông T yêu cầu Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả số tiền 205.326.000 đồng tương đương giá trị 21 gói hàng đã nộp tiền mua của Công ty nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16; Điều 26 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; phía Công ty không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu trên của ông T.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không thỏa thuận được nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16; Điều 26 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc T.

- Buộc Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông Dương Ngọc T tổng số tiền 205.326.000 đồng.

2. Về án phí:

- Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 10.266.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại ông Dương Ngọc T số tiền tạm ứng án phí 5.133.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002071 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Mạnh Thắng